TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 205/2019/HNST
Ngày: 11/3/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh.

2. Bà Lê Thị Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Trần Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6000/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 10141/2018/QĐST-DS ngày 10/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Bích X, sinh năm 1992; nơi cư trú: A207 chung cư Hoàng Kim Thế G, đường T, phường B, quận B, Thành phố H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông H, sinh năm 1986; nơi cư trú: 147 khu 9, đường C, quận T, Thành phố C, Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2017 và bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Bích X trình bày:

Bà và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn số 135 ngày 11/11/2016 tại Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống được một năm. Năm 2017, ông H trở về Trung Quốc và không trở

lại Việt Nam. Vợ chồng đã không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc. Hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý. Bà xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Về con chung: không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T có đơn xin không tham gia phiên họp hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Bích Xuân ký đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Ông Hđang cư trú ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: bà Trương Bích X và ông H có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà X từ khi ông K về nước, cả hai đã không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý, hiện tình cảm không còn, bà xin được ly hôn.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo về việc Toà án thụ lý vụ án, thời gian mở phiên họp hoà giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án. Tại công văn số 2015/BTP-PLQT Bộ tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp: "Cơ quan có thẩm quyền của của lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 30/4/2018 bằng phương thức: chuyển cho người sống chung cùng đương sự".

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6000/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2018, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 10/12/2018. Quyết định đưa vụ án ra xét xử này đã được thông báo trong văn bản ủy thác tư pháp cho ông K nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà lần thứ 1 theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định thời hạn mở phiên toà lần thứ hai là ngày 11/3/2019. Tuy nhiên, đến hôm nay, Toà án không nhận được ý kiến phản hồi của ông K và ông K tiếp tục vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy, cuộc sống chung của bà X và ông K không hạnh phúc, cả hai thực tế đã không sống chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Kuang đã không có văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Toà để giải quyết vụ án, đưa ra giải pháp để vợ chồng đoàn tụ. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa bà X và ông K không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Bích X như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 08 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực, bà X phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực ngày 01/7/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Bích X

a) Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Bích X được ly hôn với ông H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 135 do Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2016 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: không có.

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: bà Trương Bích X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0048328 ngày

08/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ về việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bà Trương Bích X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Huang Lien K được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND quận Bình Tân, TP.HCM;
- Lưu: VT, HS (T/18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp